

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MY
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-4-2023

V/v: " Xin ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MY - TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:** Ông **Trần Đại Dương**.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà **Vũ Thị Hà**.

2. Ông **Ngô Thanh Hà**.

- **Thư ký Toà án:** Ông **Phạm Quang Hà** – Cán bộ Toà án nhân dân huyện MY, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MY, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà:** Ông **Đỗ Đình Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 12/4/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện MY, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2022, về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Kim Tr, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn, xã Đ, huyện MY, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn, xã Đ, huyện MY, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHÂN THẤY:

Theo Đơn khởi kiện ngày 27/10/2022, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Minh T sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện MY, tỉnh Gia Lai vào ngày 15/8/2006. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng năm 2018 vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi vã, thậm chí đánh nhau vì bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã cố gắng rất nhiều nhưng mâu thuẫn vẫn không có cách nào giải quyết, hạnh phúc gia đình không có nên năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân, cuộc sống ai người nấy lo, không còn ai quan tâm chăm sóc nhau nữa. Tôi nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài được nữa. Do đó

tôi làm đơn khởi kiện xin ly hôn để mong Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Tr, anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 17/6/2007 và Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 04/8/2013. Sau khi ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi cả 02 con là các cháu Nguyễn Thị Quỳnh N và Nguyễn Minh Ph. Về cấp dưỡng nuôi con thì tại đơn khởi kiện và Bản tự khai tôi có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung 2.500.000 đồng/con nhưng tại phiên tòa tôi chỉ yêu cầu cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng/02 con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng tôi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Minh T:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Minh T gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập làm việc, Thông báo về các phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh T vẫn cố tình không đến làm việc và tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên tòa. Anh T cố tình không có ý kiến gì thể hiện chính kiến về giải quyết cụ án. Do đó, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Minh T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MY đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 228, 235, 238 và 264 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim Tr và cho chị Tr được ly hôn anh Nguyễn Minh T.

- Giao cho chị Nguyễn Thị Kim Tr được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 17/6/2007 và Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 04/8/2013.

Anh Nguyễn Minh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng. Chị Tr yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng là có căn cứ nên cần buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng/02 con.

- Buộc chị Nguyễn Thị Kim Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Nguyễn Minh T, đây là tranh chấp về ly hôn. Anh Nguyễn Minh T có hộ khẩu thường trú tại Thôn, xã Đ, huyện MY, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện MY thụ lý, giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh Nguyễn Minh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử thấy:

Chị Nguyễn Thị Kim Tr và anh Nguyễn Minh T kết hôn với nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn ngày 15/8/2006 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện MY, tỉnh Gia Lai. Việc kết hôn của anh chị là tự nguyện, trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau; được hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Vì vậy, hôn nhân của chị Tr và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim Tr và anh Nguyễn Minh T thấy rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có hai con chung, nhưng trong cuộc sống giữa anh chị thường xuyên mâu thuẫn cãi vã, thậm chí đánh nhau vì bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vẫn không có cách nào giải quyết, hạnh phúc gia đình không có nên năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân. Do đó, chị Nguyễn Thị Kim Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện MY giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh T là có cơ sở nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Kim Tr ly hôn anh Nguyễn Minh T.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã phải tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật vì anh T không có mặt tại nhà riêng, không tổng đạt trực tiếp được và mỗi lần Tòa án triệu tập để làm việc cũng như tham gia phiên tòa anh T đều vắng mặt không có lý do. Việc không chấp hành của anh T thể hiện thái độ thiếu tôn trọng pháp luật, không những từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình, mà còn gây cản trở cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự đồng thời căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa cũng như xem xét ý kiến của nguyên đơn để quyết định là hợp lý. Anh T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Qua xác minh: Được thôn trưởng Thôn, xã Đ cung cấp thông tin mâu thuẫn giữa chị Tr, anh T xảy ra đã lâu, hiện nay anh T đi làm xa, địa phương cũng đã đến nhà nhờ cha anh T liên lạc để anh T về nhưng anh T vẫn không hợp tác. Thực tế, về quan hệ hôn nhân của chị Tr và anh T đã ly thân hơn hai năm, không ai còn quan tâm, chăm sóc nhau nên khó có thể hàn gắn tình cảm anh chị được.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Tr và anh T, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Tr, xử cho chị được ly hôn với anh T là hợp lý.

[3] Về con chung: Chị Tr và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 17/6/2007 và Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 04/8/2013. Sau khi ly hôn, chị Tr có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung là cháu N và cháu Ph. Chị Tr yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng là có căn cứ cần chấp nhận.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị Tr là chính đáng và phù hợp với các quy định của pháp luật vì anh T đi làm ăn xa, các cháu cần sự thương yêu, chăm sóc của người mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tr và giao cho chị được nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc các Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 17/6/2007 và Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 04/8/2013. Mặt khác, cháu N và cháu T cũng có ý kiến muốn được ở với mẹ. Đồng thời, Hội đồng xét xử cần buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Nguyễn Thị Kim Tr không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Tr phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim Tr.

- Chị Nguyễn Thị Kim Tr được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung:

Giao cho chị Nguyễn Thị Kim Tr được nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc các cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 17/6/2007 và Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 04/8/2013 cho đến khi các con chung thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Minh T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) kể từ ngày 12/4/2023 cho đến khi các con chung thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tại thời điểm thanh toán.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Tr không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim Tr phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0010748, ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện MY, tỉnh Gia Lai. Chị Tr đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện MY;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện MY;
- UBND xã A;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Đại Dương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Khánh

Đinh Thị Trâm Vân

Lê Văn Tiến